

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
**Về thông số kỹ thuật của khu nước trước Bến cảng Tân Cảng Cát Lái, 03
bến phao BP5, BP6, BP7 và Bến cảng Bến Nghé Phú Hữu**

Vùng biển: Vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Đồng Nai.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải và Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Xét đơn đề nghị số 413/ĐĐN-TCg ngày 27/01/2026 của Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn về việc công bố thông báo hàng hải khu nước Bến cảng Tân Cảng Cát Lái, 03 bến phao BP5, BP6, BP7 và Bến cảng Bến Nghé Phú Hữu;

Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về thông số kỹ thuật của khu nước trước Bến cảng Tân Cảng Cát Lái, 03 bến phao BP5, BP6, BP7 và Bến cảng Bến Nghé Phú Hữu như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước Bến cảng Bến Nghé Phú Hữu được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
PH1	10°46'33,94" N	106°48'22,74" E	10°46'30,27" N	106°48'29,17" E
PH2	10°46'42,08" N	106°48'31,73" E	10°46'38,41" N	106°48'38,16" E
PH3	10°46'41,00" N	106°48'35,41" E	10°46'37,33" N	106°48'41,84" E
PH4	10°46'30,30" N	106°48'23,60" E	10°46'26,63" N	106°48'30,03" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 11,24 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước Bến cảng Tân Cảng Cát Lái:

2.1. Khu nước trước cầu cảng số 1 và số 2 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
R1	10°45'36,24" N	106°47'27,46" E	10°45'32,57" N	106°47'33,89" E
R2	10°45'34,82" N	106°47'29,84" E	10°45'31,15" N	106°47'36,27" E
R3	10°45'28,47" N	106°47'18,05" E	10°45'24,80" N	106°47'24,48" E
R4	10°45'31,15" N	106°47'18,11" E	10°45'27,48" N	106°47'24,54" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 7,13 m.

2.2. Khu nước trước cầu cảng số 4 và số 5 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
KN1	10°45'39,43" N	106°47'34,04" E	10°45'35,76" N	106°47'40,47" E
KN2	10°45'49,16" N	106°47'53,95" E	10°45'45,49" N	106°48'00,38" E
KN3	10°45'48,12" N	106°47'55,54" E	10°45'44,45" N	106°48'01,97" E
KN4	10°45'37,55" N	106°47'33,91" E	10°45'33,88" N	106°47'40,34" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 6,72 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước Bến phao BP5 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B5-2	10°45'23,00" N	106°47'32,00" E	10°45'19,33" N	106°47'38,43" E
B5-3	10°45'21,00" N	106°47'32,90" E	10°45'17,33" N	106°47'39,33" E
B5-4	10°45'23,90" N	106°47'39,40" E	10°45'20,23" N	106°47'45,83" E
B5-5	10°45'25,90" N	106°47'38,50" E	10°45'22,23" N	106°47'44,93" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 10,47 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước Bến phao BP6 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B6-2	10°45'27,30" N	106°47'43,20" E	10°45'23,63" N	106°47'49,63" E
B6-3	10°45'25,00" N	106°47'44,60" E	10°45'21,33" N	106°47'51,03" E
B6-4	10°45'29,40" N	106°47'51,90" E	10°45'25,73" N	106°47'58,33" E
B6-5	10°45'31,60" N	106°47'50,60" E	10°45'27,93" N	106°47'57,03" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 11,57 m.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước Bến phao BP7 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B7-2	10°45'32,20" N	106°47'55,40" E	10°45'28,53" N	106°48'01,83" E
B7-3	10°45'30,10" N	106°47'57,40" E	10°45'26,43" N	106°48'03,83" E
B7-4	10°45'36,40" N	106°48'04,10" E	10°45'32,73" N	106°48'10,53" E
B7-5	10°45'38,50" N	106°48'02,00" E	10°45'34,83" N	106°48'08,43" E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ”, nhỏ nhất đạt 12,25 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tổ chức, cá nhân và tàu thuyền liên quan căn cứ Thông báo hàng hải, Bình đồ độ sâu khu nước Bến cảng Tân Cảng Cát Lái, 03 bến phao BP5, BP6, BP7 và Bến cảng Bến Nghé Phú Hữu để bố trí tàu thuyền neo đậu và điều động tàu thuyền vào, rời bến cảng, bến phao đảm bảo an toàn.

Ghi chú:

Dữ liệu độ sâu căn cứ Bình đồ độ sâu ký hiệu BNPH_2601_01, TCCL_2601_01, TCCL_2601_02, BP_2601_01, BP_2601_02 tỷ lệ 1/1.000 do Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng Quỳnh Lâm đo đạc, hoàn thành tháng 01/2026 (tham chiếu, truy cập theo đường dẫn <https://q.me-qr.com/3jbwrrho> hoặc mã QR đính kèm).



Trường hợp có yêu cầu cung cấp bổ sung thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đo đạc, khảo sát đã cung cấp để đề nghị công bố Thông báo hàng hải) để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (đề b/c);
- Bộ Tư lệnh Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- BCH Bộ đội Biên phòng Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu HH miền Nam;
- Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin ĐTHH Việt Nam;
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Các chủ tàu, đại lý tàu biển;
- Các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
- Ban giám đốc Cảng vụ HH Tp. Hồ Chí Minh;
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- Website Cảng vụ HH Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, QLKCHT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Thúc